

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08-6-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Năm.

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bồng là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 876/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2021/QĐ-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Kiều D, sinh năm 1998; cư trú tại ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có đơn vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Tô Văn B, sinh năm 1997; cư trú tại ấp S, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Lâm Kiều D trình bày: Chị và anh Tô Văn B tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến thiếu niềm tin với nhau và đã kéo dài không giải quyết được, do không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung của chị và anh B gồm có một người tên Tô Bảo G, sinh ngày 23/5/2019 hiện đang ở cùng chị D, sau khi ly hôn chị D yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Tô Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Lâm Kiều D được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Lâm Kiều D có đơn vắng mặt, anh Tô Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt chị D và anh B.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh B được xác lập vào năm 2019, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Thời gian chị D và anh B chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng, thường không tin tưởng nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng trong khi đó anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi điều đó cho thấy bản thân anh B không có thiện chí để hàn gắn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D yêu cầu nuôi con trong khi đó anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì về con chung. Để không làm xáo trộn môi trường sống của con, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con cho chị D nuôi.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng Tô Bảo G, sinh ngày 23/5/2019 là con chung của anh B và chị D nên anh B và chị D phải cùng có trách nhiệm, anh B không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét nhu cầu thiết yếu của việc nuôi con nên buộc anh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh B phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết trong khi đó anh B vắng mặt và không có ý kiến gì về phần tài sản nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Lâm Kiều D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, đối với anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; phần tạm ứng án phí chị D đã nộp được khấu trừ.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lâm Kiều D ly hôn với anh Tô Văn B.

Về con chung: Chị Lâm Kiều D nuôi con tên Tô Bảo G, sinh ngày 23/5/2019 hiện đang ở cùng chị D, anh Tô Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ khi chị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh B chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng anh B còn phải chịu thêm phần lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh B có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị D.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên anh B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chị D có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Lâm Kiều D phải chịu 300.000 đồng, chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004446 ngày 21/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (cấp dưỡng) anh Tô Văn B phải chịu 300.000 đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời gian kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- (Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn)
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải